

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 529/2025/DS-PT

Ngày 30 tháng 9 năm 2025

“Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại; hợp đồng vay tài sản và hợp đồng đặt cọc”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán:

Ông Phan Tô Ngọc

Ông Hồ Thị Thanh Thúy

Thư ký Tòa án: Bà Đinh Hồng Vân – Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Minh Trí, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại; hợp đồng vay tài sản và hợp đồng đặt cọc”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2024/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 518/2024/QĐXX-PT ngày 06 tháng 08 năm, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Trương Tiến D, sinh năm 1972, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ cũ: Ấp T, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện của ông D: Ông Phạm Ngọc K, sinh năm 1993, (có mặt).

Địa chỉ: Số B, khu dân cư M, khóm D, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ cũ: Số B, khu dân cư M, khóm D, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

1.2. Bà Châu Thị Kim C, sinh năm 1970, (có mặt).

Địa chỉ: Số F, đường A, khu H, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ cũ: Số F, đường A, khu H, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

1.3. Bà Ngô Thị Bích T1, sinh năm 1981, (vắng mặt).

Địa chỉ: số B, khóm T, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ cũ: số B, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị Bích T1: Ông Nguyễn Quyết Q, sinh năm 1990, (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, P, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ cũ: Số B, P, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Trần Thị Hồng C1, sinh năm 1965, (có mặt).

2.2. Anh Phan Thành H, sinh năm 1995, (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã C, Vĩnh Long.

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện M, Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C1: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1983, (có mặt).

Địa chỉ: số C, P, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ cũ: số C, P, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2.3. Chị Phan Thị Mỹ L, sinh năm 1995, (vắng mặt).

Địa chỉ: D, W, ConWay, ARKansas G, USA.

2.4. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đ3.

Địa chỉ trụ sở: Khóm D, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ cũ trụ sở: Khóm D, thị trấn C, huyện M, Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Thành L1 (chết ngày 22/5/2021).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của người đại diện theo pháp luật của ông Phan Thành L1:

2.4.1. Anh Phan Thành H, sinh năm 1995, (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã C, Vĩnh Long.

Địa chỉ cũ: Ấp P, xã A, huyện M, Vĩnh Long.

2.4.2. Chị Phan Thị Mỹ L, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: D, W, ConWay, ARKansas G, USA.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

3.1. Bà Đỗ Thị Thu Y, sinh năm 1960, (có mặt).

Địa chỉ: A, T, phường P, Vĩnh Long.

Người đại diện của bà Y: Ông Trần Chính T2, sinh năm 1977, (có mặt).

Địa chỉ: A, đường N, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Ngân hàng thương mại cổ phần Á.

Địa chỉ: D N, phường B, TP Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cũ: D N, phường E, Quận C, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Từ Tiến P: Bà Vũ Thị Anh Đ1 – chức vụ: Giám đốc phòng quản lý nợ - Ngân hàng TMCP Á, (vắng mặt).

Địa chỉ: số C, đường H, phường A, tỉnh Vĩnh Long.

3.3. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1961 (Chết ngày 15/4/2022)

Địa chỉ : số A, đường L, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn V:

3.3.1. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1966, (vắng mặt).

3.3.2. Anh Nguyễn Văn V1, sinh năm 1994, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số A, đường L, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

3.4. Ông Lê Trung S, sinh năm 1976, (vắng mặt).

Địa chỉ: số A, đường Đ, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

3.5. Bà Trần Thị Phương E, sinh năm 1977, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: số E, đường H, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

3.6. Bà Trần Thị Hồng C1, sinh năm 1965.

Hộ khẩu: số A, đường Đ, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

Nơi cư trú: ấp P, xã C, Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C1: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: số C, P, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - ông Trương Tiến D **và người đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Ông D có quan hệ bà con với vợ ông L2. Ông D có cho ông L2 vay tiền 02 lần: lần thứ nhất là ngày 18/02/2021 số tiền 300.000.000 đồng, cho vay không tính lãi, ông L2 nói vay tiền xoay sở cho gia đình nên không nói thời hạn trả. Số tiền này ông D đã chuyển khoản cho ông L2 tại ngân hàng N – Chi nhánh huyện M; lần thứ hai là ngày 17/3/2021 số tiền 400.000.000 đồng, cho vay không tính lãi, ông L2 nói vay tiền xoay sở cho gia đình nên không nói thời hạn trả. Số tiền này ông D đã chuyển khoản cho ông L2 tại ngân hàng N – Chi nhánh huyện M. Đến ngày 01/4/2021 ông L2 làm biên nhận đã nhận đủ số tiền 700.000.000 đồng của ông D và hẹn đến ngày 01/5/2021 sẽ trả hết số tiền này. Toàn bộ số tiền này ông D cho ông L2 vay thì vợ con ông L2 không biết nên đây là số tiền vay của cá nhân ông L2.

Nay ông D yêu cầu những người thừa kế của ông L2 gồm có vợ ông L2 là bà Trần Thị Hồng C1 và các con ông L2 là Phan Thành H và Phan Thị Mỹ L trả ông D số tiền nợ do ông L2 vay là 700.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Nguyên đơn - bà Châu Thị Kim C và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà biết ông Phan Thành L1 qua sự giới thiệu của ông Nguyễn Văn V. Ông L1 có nói với bà là công ty làm ăn thua lỗ và đang lo tiền cho con đi du học nước ngoài nên có hỏi vay bà số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng và ông L1 có làm biên nhận số tiền này vào ngày 10/8/2020, biên nhận do ông L1 ký tên và bà đã giao số tiền này cho ông L1. Ông L1 có hứa là 03 tháng sau sẽ trả tiền gốc cho bà. Ông L1 có đóng lãi cho bà được 05 tháng thì ngưng không đóng lãi với lý do đang kẹt tiền. Đến tháng 05/2021 ông L1 chết. Số tiền ông L1 vay không liên quan đến ông V. Bà cho ông L1 vay thì vợ con ông L1 không biết nên số tiền này là của cá nhân ông L1.

Nay bà yêu cầu những người thừa kế của ông L1 gồm có vợ ông L1 là bà Trần Thị Hồng C1 và các con ông L1 là Phan Thành H và Phan Thị Mỹ L trả bà số tiền nợ do ông L1 vay là 250.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Nguyên đơn - bà Ngô Thị Bích T1 và người đại diện theo ủy quyền của bà T1 trình bày:

Trước đây ông L1 đã nhiều lần vay tiền của bà T1 nhưng đã trả xong cho bà T1. Hiện nay ông L1 còn thiếu tiền của bà T1 đối với 02 biên nhận:

Ngày 07/4/2020, ông L1 làm biên nhận vay tiền của bà T1 số tiền là 53.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 1,5%/tháng. Số tiền này ông L1 đã đóng lãi cho bà T1 đến tháng 3/2021 thì ngưng, tiền gốc chưa trả.

Ngày 12/3/2021, ông L1 làm biên nhận vay tiền của bà T1 số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 1,5%/tháng. Số tiền này ông L1 chưa đóng lãi cho bà T1, tiền gốc chưa trả.

Tổng số tiền ông L1 vay là 103.000.000 đồng, quá thời hạn vay bà T1 có đòi nhưng ông L1 chưa trả. Đến tháng 05/2021 ông L1 chết. Số tiền ông L1 vay thì bà C1 có biết nhưng bà C1 không ký biên nhận nên xác định đây là nợ cá nhân của ông L1.

Nay yêu cầu những người thừa kế của ông L1 gồm có vợ ông L1 là bà Trần Thị Hồng C1 và các con ông L1 là Phan Thành H và Phan Thị Mỹ L trả cho bà T1 số tiền nợ do ông L1 vay là 103.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn - bà Trần Thị Hồng C1 trình bày:

Bà đã ủy quyền cho ông Nguyễn Tấn Đ được quyền thay bà tham gia tố tụng để giải quyết với các đương sự có trong vụ án. Nay bà xin trình bày ý kiến như sau:

Vợ chồng bà chỉ có 02 người con là Phan Thành H và Phan Thị Mỹ L, ngoài ra không còn người con nào khác. Phan Thị Mỹ L đang sinh sống tại nước Mỹ từ năm 2008 đến nay, bà và Phan Thị Mỹ L vẫn liên lạc qua điện thoại và L cũng biết việc các đương sự trong vụ án này kiện mẹ con bà.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Tiến D thì bà không đồng ý trả số tiền 700.000.000 đồng. Lý do là bà không biết số tiền này, ông L1 cũng không cho bà biết về số tiền này. Ông D nói có quan hệ bà con với bà sao không cho bà biết số tiền này. Ngày 22/5/2021 ông L1 bị bệnh qua đời.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Kim C yêu cầu trả số tiền 250.000.000 đồng thì bà không đồng ý. Lý do bà không biết số tiền này, ông L1 không cho bà biết số nợ này nên bà không đồng ý trả.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Bích T1 yêu cầu trả số tiền 103.000.000 đồng thì bà cũng không đồng ý. Lý do trước khi ông L1 chết khoảng 15 ngày thì bà T1 có đến nhà đòi gặp ông L1 nhưng ông L1 không có nhà nên bà T1 có cho bà biết là ông L1 có vay của bà T1 50.000.000 đồng. Nay bà T1 yêu cầu trả số tiền 103.000.000 đồng là không đúng nên bà không đồng ý trả 103.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T1.

Đối với yêu cầu của bà Đỗ Thị Thu Y yêu cầu bà trả tiền cọc 500.000.000 đồng, trong đó yêu cầu cá nhân bà trả 250.000.000 đồng và yêu cầu bà và 02 con bà trả 250.000.000 đồng là phần của ông L1 thì bà không đồng ý. Bà thừa nhận vợ chồng bà có nhận tiền cọc của bà Y là 500.000.000 đồng để chuyển nhượng cho bà Y 02 thửa đất số 291 và 293 tọa lạc tại khóm D, thị trấn C, huyện M, Vĩnh Long, do ông Phan Thành L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng đây là tài sản chung của vợ chồng. Phần đất này khi nhận cọc là đang thế chấp vay tiền tại ngân hàng A nên vợ chồng bà và bà Y có thỏa thuận là sẽ trả hết tiền cho ngân hàng A để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Y. Nhưng do đến ngày thỏa thuận đến ngân hàng A trả tiền thì ông L1 chết nên không thực hiện được. Sau đó bà Y đòi lại tiền cọc và nói với bà những lời không hay nên bà không đồng ý trả số tiền này cho bà Y.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP Á (A) thì bà thừa nhận công ty TNHH MTV Đ3 do chồng bà là ông Phan Thành L1 đại diện theo pháp luật có ký hợp đồng tín dụng vay tiền của ngân hàng A theo đúng như ý kiến của ngân hàng A đã trình bày. Vợ chồng bà có thế chấp tài sản là 02 thửa đất số 291 và 293 như ngân hàng A đã trình bày. Tài sản thế chấp này bao gồm toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Nay bà đồng ý trả nợ cho ngân hàng số tiền gốc mà công ty TNHH MTV Đ3 đã vay. Bà không đồng ý trả tiền lãi lý do

ông L1 chết nên Công ty TNHH MTV Đ3 không còn hoạt động nữa, Công ty cũng chưa làm thủ tục giải thể, công ty có còn được phép kinh doanh hay không thì bà không biết vì việc này thuộc quyền của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh V. Trụ sở của công ty TNHH MTV Đ3 tại thửa đất số 291 và 293 nhưng hiện nay không còn hoạt động kinh doanh và không có ai quản lý, toàn bộ tài sản này hiện nay đã đóng cửa, trụ sở công ty cũng là nhà của vợ chồng bà nhưng hiện nay mẹ con bà không ở mà đang đi thuê nhà ở nơi khác. Bà đồng ý trả số tiền gốc cho ngân hàng A nhưng ngân hàng A phải tạo điều kiện cho bà được bán tài sản đã thế chấp để trả nợ cho ngân hàng.

Đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ số 19, địa chỉ số A, đường D, khóm H, phường A, thành phố V, diện tích 50,1m² đất ở tại đô thị, do ông Phan Thành L1 và bà Trần Thị Hồng C1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được cấp ngày 13/4/2015. Phần đất này là tài sản chung của vợ chồng, trên đất có căn nhà là tài sản chung của vợ chồng. Phần đất này bà đang cho ông Lê Trung S thuê từ năm 2022, không làm hợp đồng, bà và ông S thỏa thuận khi nào bà cần lấy lại thì cho ông S biết trước, tiền thuê đất một tháng là 4.000.000 đồng, ông S đóng tiền thuê đất đầy đủ nên bà không tranh chấp và tiếp tục cho ông S thuê đất, ông S thuê để ban ngày kinh doanh, không ở ban đêm. Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 24 này là bà đưa cho em ruột là Trần Thị Phụng E giữ bản chính, lý do bà có mượn của Phụng Em 570.000.000 đồng vào tháng 10/2021, có làm biên nhận một bản do Trần Thị Phụng E đang giữ và bà đưa cho P1 Em giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi nào bà có tiền trả thì P1 Em trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Bị đơn - anh Phan Thanh H1 trình bày:

Anh không đồng ý trả cho bà C số tiền 250.000.000 đồng; không đồng ý trả cho ông D số tiền 700.000.000 đồng; không đồng ý trả cho bà T1 số tiền 103.000.000 đồng; không đồng ý trả cho bà Y số tiền cọc chuyển nhượng đất; không đồng ý trả cho ngân hàng TMCP Á số tiền nợ vay vốn gốc là 4.500.000.000đ và số tiền lãi phát sinh. Vì anh không biết cha anh là ông L1 có vay những số tiền này hay không và anh không biết các số nợ này.

Anh chỉ đồng ý trả tiền cho Ngân hàng trong trường hợp anh được thừa kế tài sản đã thế chấp. Anh đề nghị tách yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thành vụ án khác vì ngân hàng A khởi kiện công ty TNHH MTV Đ3 chứ không phải khởi kiện tôi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Đỗ Thị Thu Y và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 23/4/2021, bà Y và vợ chồng ông Phan Thành L1, bà Trần Thị Hồng C1 ký hợp đồng đặt cọc nội dung bà Y nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông L1, bà C1 02 thửa đất số 291, 293 cùng toàn bộ nhà, nhà xưởng và tài sản trên đất như sau: Nhà, nhà xưởng và toàn bộ các tài sản trên đất tọa lạc tại khóm D, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long do ông L1, bà C1 là chủ sở hữu thửa đất số 291, tờ bản đồ số 45, diện tích 3009,5m² nơi khu nhà xưởng tọa lạc. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Phan Thành L1 đứng tên được cấp ngày 18/05/2018 và thửa đất số 293, tờ bản đồ số 45, diện tích 1628,4m² nơi khu nhà xưởng tọa lạc. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Phan Thành L1 đứng tên được cấp ngày 23/10/2018. Tổng giá bán các tài sản trên là 12.800.000.000 đồng.

Theo đó bà Y đã đặt cọc cho vợ chồng ông L1, bà C1 số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn đặt cọc 30 ngày. Do phần tài sản của vợ chồng ông L1, bà C1 đang thế chấp tại ngân hàng Á (A) - chi nhánh V3 nên 02 bên thống nhất vào ngày 22/5/2021 sẽ cùng đến ngân hàng A thanh toán tiền nợ của phía bên ông L1, bà C1. Sau đó xóa thế chấp và làm thủ tục chuyển nhượng cho bà Y. Tuy nhiên vào ngày 22/5/2021 khi bà Y chuẩn bị tiền cùng ông L1, bà C1 đến ngân hàng A thanh toán thì nhận tin ông L1 bị bệnh phải cấp cứu nên việc chuyển nhượng phải dừng lại và bà C1 có hỏi mượn bà Y thêm 500.000.000 đồng để lo cấp cứu ông L1. Bà Y đã đưa thêm cho bà C1 500.000.000 đồng và sau đó biết tin ông L1 đã qua đời.

Sau khi ông L1 qua đời được 49 ngày thì giữa bà Y và bà C1 có thỏa thuận sẽ chấm dứt việc chuyển nhượng do các vấn đề phát sinh từ việc ông L1 qua đời. Thời gian kéo dài quá lâu nên bà Y đã dùng tiền đầu tư vào việc khác, tài sản chuyển nhượng thế chấp ngân hàng để đảm bảo nợ vay đã chuyển thành nợ có hạn. Ngày 12/01/2022, bà C1 có cam kết trả trước phần 500.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng. Riêng phần tiền cọc 500.000.000 đồng bà C1 nói sẽ tranh thủ trả sớm. Sau đó khoảng tháng 3/2022 bà C1 đã trả cho bà Y đúng hạn số tiền 500.000.000 đồng đã mượn. Riêng phần tiền cọc đến nay bà C1 vẫn không trả và tài sản dự định chuyển nhượng cho bà Y đang thế chấp ngân hàng A thì ngân hàng A đã khởi kiện và yêu cầu thanh lý tài sản để trả nợ. Các chủ nợ khác của ông L1 cũng đã khởi kiện yêu cầu bà C1 và các con phải trả nợ của ông L1. Do đó bà Y khởi kiện:

Yêu cầu bà C1 và 02 con chung của ông L1, bà C1 là Phan Thành H và Phan Thị Mỹ L liên đới trả lại cho bà Y số tiền đặt cọc như sau: Yêu cầu bà Trần Thị Hồng C1 trả số tiền 250.000.000 đồng. Lý do số tiền cọc 500.000.000 đồng là nợ chung của ông L1, bà C1 nhưng do ông L1 đã chết nên phần bà C1 có trách nhiệm trả 250.000.000 đồng. Số tiền cọc 250.000.000 đồng còn lại là nợ

của ông L1 nhưng do ông L1 đã chết nên yêu cầu những người thừa kế của ông L1 gồm có vợ ông L1 là bà Trần Thị Hồng C1 và các con ông L1 là Phan Thành H và Phan Thị Mỹ L trả cho bà Y số tiền nợ do ông L1 vay là 250.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng thương mại cổ phần Á do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 27/01/2021, ngân hàng TMCP Á (A) chi nhánh V3 có cấp tín dụng cho công ty TNHH MTV Đ3 với hạn mức cho vay là 4.500.000.000 đồng với mục đích cho vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty, số tiền vay này được giải ngân đầy đủ vào ngày 29/01/2021 vào tài khoản của công ty Đ3 mở tại Ngân hàng Á. Thời hạn vay từ ngày 31/01/2021 đến ngày 29/7/2021. Khoản vay này được bảo đảm bằng 02 biện pháp bảo đảm:

Thứ nhất, thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 291, 293, tờ bản đồ số 45. Địa chỉ: thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phan Thành L1 và bà Trần Thị Hồng C1. Biện pháp thế chấp này được thực hiện bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ký ngày 27/01/2021 được công chứng và đăng ký thế chấp theo quy định và cam kết thế chấp tài sản ngày 27/01/2021

Thứ hai là bảo lãnh của ông Phan Thành L1 theo giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 27/01/2021 cho đến ngày đáo hạn hợp đồng vay, công ty Đ3 không trả nợ cho ngân hàng nên ngân hàng A khởi kiện yêu cầu:

Yêu cầu công ty TNHH MTV Đ3 trả cho A tổng nợ còn thiếu tính đến ngày 08/5/2024 là 6.695.477.412 đồng, trong đó vốn gốc là 4.500.000.000 đồng, lãi trong hạn 38.835.616 đồng, lãi quá hạn 1.968.965.753 đồng, phạt chậm trả lãi 187.676.043 đồng và yêu cầu công ty Đ3 phải tiếp tục trả lại phát sinh theo hợp đồng cấp tín dụng cho đến ngày trả hết nợ.

Nếu công ty Đ3 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 291, 293, tờ bản đồ số 45. Địa chỉ: thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phan Thành L1 và bà Trần Thị Hồng C1.

Yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Phan Thành L1 gồm có vợ ông L1 là bà Trần Thị Hồng C1 và các con ông L1 là Phan Thành H và Phan Thị Mỹ L thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 27/01/2021 giữa ông Phan Thành L1 với ngân hàng A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn V (chết 15/04/2022), có bà Nguyễn Thị L2 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng trình bày:

Ông V không có cho ông L2 vay tiền, theo giấy mượn tiền ngày 10/8/2020 có nội dung là ông L2 mượn của ông V và bà C số tiền 250.000.000 đồng, số tiền này là của bà C, không phải tiền của ông V. Ông V không có tiền cho ông L2 vay, mượn nên bà không tranh chấp trong vụ án này. Bà và ông V có 02 người con là Nguyễn Anh V2, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Thùy T3, sinh năm 1986, đang sinh sống ở Mỹ nhưng không biết địa chỉ nên không thể cung cấp cho Tòa án, đã lâu bà không liên lạc với con bà.

Anh Nguyễn Anh V2 trình bày: Trong vụ án này anh không có tranh chấp gì và cũng không có khiếu nại về sau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trần Thị Phụng E trình bày:

Trước đây bà có cho bà Trần Thị Hồng C1 vay số tiền 570.000.000 đồng, mục đích bà C1 vay là để trả nợ cho ngân hàng C2, để đảm bảo cho khoản vay nên bà C1 đã thế chấp cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 10, diện tích 50,1m², loại đất ở đô thị, tọa lạc số A, đường Đ, khóm H, phường A, TP V, Vĩnh Long để làm tin. Hiện nay bà đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi nào bà C1 có tiền trả hết nợ cho bà thì bà mới giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2024/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 37, 39, 147, 153, 154, 161, 165, 217, 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 288, 274, 278, 317, 320, 328, 463, 466, 615, 468, 649, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 2 Luật người cao tuổi; khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của ông Trương Tiến D, bà Châu Thị Kim C, bà Ngô Thị Bích T1 và Ngân hàng thương mại cổ phần Á về việc yêu cầu bà Trần Thị Hồng C1 thực hiện nghĩa vụ trả số nợ của ông Phan Thành L1

và Công ty TNHH MTV Đ3 cho ông Trương Tiến D, Châu Thị Kim C, bà Ngô Thị Bích T1 và Ngân hàng thương mại cổ phần Á.

2. *Chấp nhận yêu cầu ông Trương Tiến D: Buộc anh Phan Thành H và chị Phan Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ trả cho ông Trương Tiến D số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), trong phạm vi di sản của ông Phan Thành L1 chết để lại.*

3. *Chấp nhận yêu cầu của bà Châu Thị Kim C: Buộc anh Phan Thành H và chị Phan Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ trả cho bà Châu Thị Kim C số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), trong phạm vi di sản của ông Phan Thành L1 chết để lại.*

4. *Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Ngô Thị Bích T1:*

- *Không chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị Bích T1 yêu cầu bà Trần Thị Hồng C1, anh Phan Thành H, chị Phan Thị Mỹ L trả số tiền 53.000.000 đồng (năm mươi ba triệu đồng).*

- *Buộc anh Phan Thành H và chị Phan Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Bích T1 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), trong phạm vi di sản của ông Phan Thành L1 chết để lại.*

5. *Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Thu Y:*

- *Hợp đồng đặt cọc ngày 23/4/2021 giữa bà Đỗ Thị Thu Y với ông Phan Thành L1 và bà Trần Thị Hồng C1 chấm dứt hiệu lực.*

- *Buộc bà Trần Thị Hồng C1 có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị Thu Y số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).*

- *Buộc anh Phan Thành H và chị Phan Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị Thu Y số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), trong phạm vi di sản của ông Phan Thành L1 chết để lại.*

6. *Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Á:*

- *Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Á về việc yêu cầu bà Trần Thị Hồng C1 trả số nợ của Công ty TNHH MTV Đ3 cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á.*

- *Buộc Công ty TNHH MTV Đ3 (người thừa kế là anh Phan Thành H, chị Phan Thị Mỹ L) trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á tổng nợ còn thiếu tính đến ngày 18/9/2024 là 7.005.400.173 đồng, trong đó vốn gốc là 4.500.000.000 đồng, lãi trong hạn 38.835.616 đồng, lãi quá hạn 2.227.222.603 đồng, phạt chậm trả lãi 239.341.954 đồng, trong phạm vi tài sản của ông Phan*

Thành L1 để lại và của bà Trần Thị Hồng C1 đã thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số VIL.BĐDN.174.260121 ngày 27/01/2021. Công ty TNHH MTV Đ3 tiếp tục chịu lãi suất của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng số VIL.DN.1462.260121 ngày 27/01/2021, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc trong phạm vi tài sản của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ3 đã thế chấp.

- Xử lý tài sản bảo đảm: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH Đ3 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng TMCP Á thì Ngân hàng TMCP Á có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành phát mãi tài sản đã thế chấp thửa đất số 291, tờ bản đồ số 14, diện tích 3.009,5m² (đất ở 300m², đất trồng cây lâu năm 2709,5m²), tọa lạc khóm D, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 18/5/2018 và thửa đất số 293, tờ bản đồ số 14, diện tích 1628,4m², đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, tọa lạc khóm D, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 23/10/2018. Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 28/6/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V.

7. Buộc bà Trần Thị Phượng E trả cho bà Trần Thị Hồng C1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 024162, sổ vào sổ cấp GCN: CH 02748 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp cho ông Phan Thành L1 và bà Trần Thị Hồng C1 ngày 13/4/2015, thửa đất số 24, tờ bản đồ số 10, diện tích 50,1m², loại đất ở đô thị, tọa lạc số A, đường Đ, khóm H, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

8. Anh Phan Thành H và chị Phan Thị Mỹ L phải có trách nhiệm thực hiện thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản của ông Phan Thành L1 chết để lại là thửa đất số 291, tờ bản đồ số 14, diện tích 3.009,5m² (đất ở 300m², đất trồng cây lâu năm 2709,5m²), tọa lạc ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 18/5/2018; thửa đất số 293, tờ bản đồ số 14, diện tích 1628,4m², đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, tọa lạc ấp Ba, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 23/10/2018. Đến ngày 31/7/2020 hai thửa đất này thay đổi địa chỉ thành khóm D, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; thửa đất số 24, tờ bản đồ số 10, diện tích 50,1m², đất ở tại đô thị; nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 49,8m², diện tích sàn 78,5m², tọa lạc số 18, Đoàn Thị Đ2, khóm H, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, được Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 13/4/2015 và các di sản khác của ông Phan Thành L1 chết để lại (nếu có).

Các thửa đất nêu trên là tài sản chung của ông Phan Thành L1 và bà Trần Thị Hồng C1 (kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất).

9. Ông Lê Trung S1 được quyền khởi vụ kiện khác đối với hợp đồng thuê nhà với bà Trần Thị Hồng C1. Bà Trần Thị Phụng E có quyền khởi kiện vụ kiện khác đối với hợp đồng vay cho bà Trần Thị Hồng C1 vay.

10. Chi phí tố tụng khác:

- Bà Trần Thị Hồng C1, anh Phan Thành H và chị Phan Thị Mỹ L phải có trách nhiệm liên đới trả tiền chi phí đo đạc, định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ cho bà Châu Thị Kim C, bà Đỗ Thị Thu Y, Ngân hàng TMCP Á mỗi người là 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm ngàn đồng).

- Bà Trần Thị Hồng C1, anh Phan Thành H và chị Phan Thị Mỹ L phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Bích T1 số tiền giám định là 2.182.500 đồng (hai triệu một trăm tám mươi hai ngàn năm trăm đồng).

- Bà Trần Thị Hồng C1, anh Phan Thành H và chị Phan Thị Mỹ L phải có trách nhiệm liên đới trả tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài cho bà Đỗ Thị Thu Y là 95 đô la Mỹ (USD); trả cho bà Ngô Thị Bích T1 là 95 đô la Mỹ (USD); trả cho bà Châu Thị Kim C là 95 đô la Mỹ (USD); trả cho ông Trương Tiến D là 95 đô la Mỹ (USD); Trả cho Ngân hàng TMCP Á đô la Mỹ (USD).

11. Về án phí, lệ phí:

- Bà Trần Thị Hồng C1, anh Phan Thành H và chị Phan Thị Mỹ L phải có trách nhiệm liên đới chịu tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng).

- Trả cho ông Trương Tiến D 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp, theo biên lai thu tiền số N0 0000369 ngày 20/02/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; Trả cho bà Đỗ Thị Thu Y 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp, theo biên lai thu tiền số N0 0000367 ngày 17/02/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; Trả cho bà Ngô Thị Bích T1 đã nộp 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp, theo biên lai thu tiền số N0 0000374 ngày 24/3/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; Trả cho Ngân hàng TMCP Á đã nộp 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp, theo biên lai thu tiền số N0 0000372 ngày 22/02/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

- Bà Trần Thị Hồng C1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.500.000 đồng; Buộc anh Phan Thành H, chị Phan Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 49.500.000 đồng; Buộc Công ty TNHH MTV Đ3 (người thừa kế là anh

Phan Thành H và chị Phan Thị Mỹ L) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 115.005.000 đồng.

- Bà Ngô Thị Bích T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.650.000 đồng. Bà Ngô Thị Bích T1 đã nộp 2.575.000 đồng, tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số N0 0001102 ngày 21/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long nên được trừ qua, bà T1 còn phải nộp tiếp số tiền là 75.000 đồng (bảy mươi lăm ngàn đồng).

- Trả cho ông Trương Tiến D 16.167.000 đồng (mười sáu triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số N0 0006940 ngày 01/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít; Trả cho bà Châu Thị Kim C 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số N0 0006869 ngày 17/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít; Trả cho Ngân hàng TMCP Á 129.655.500 đồng (một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi năm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số N0 0000338 ngày 28/12/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/9/2024 và ngày 01/10/2024 anh Phan Thành H và bà Trần Thị Hồng C1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 01/10/2024 bà Ngô Bích T1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

1. Các đương sự gồm: Ông Trương Tiến D (người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Ngọc K), bà Châu kim C, bà Đỗ Thị Thu Y, anh Phan Thành H, bà Trần Thị Hồng C1 thỏa thuận và yêu cầu Tòa án công nhận như sau:

1.1. Ông Trương Tiến D (do người đại diện theo ủy quyền là ông K) và anh Phan Thành H đồng ý chỉ một mình anh Phan Thành H phải có nghĩa vụ trả cho ông Trương Tiến D số tiền 700.000.000 đồng trong phạm vi di sản của ông Phan Thành L1 chết để lại đối với kỷ phần của anh H và giá trị tương đương trong phạm vi di sản của ông Phan Thành L1 chết để lại đối với kỷ phần của chị Phan Thị Mỹ L.

- 1.2. Bà Châu Thị Kim C và anh Phan Thành H thống nhất:

- Đồng ý cản trừ số tiền lãi bà C đã nhận vượt quá lãi suất quy định $41.250.000đ = [(5\% - 1,7\%) \times 250.000.000 \times 5 \text{ tháng}]$ trong số nợ 250.000.000đ.

- Chỉ một mình anh Phan Thành H phải có nghĩa vụ trả cho bà Châu Thị Kim C số tiền 208.750.000đ trong phạm vi di sản của ông Phan Thành L1 chết để lại đối với kỷ phần của anh H và giá trị tương đương trong phạm vi di sản của ông Phan Thành L1 chết để lại đối với kỷ phần của chị Phan Thị Mỹ L.

1.3. Bà Đỗ Thị Thu Y, anh Phan Thành H và bà Trần Thị Hồng C1 thống nhất:

- Hợp đồng đặt cọc ngày 23/4/2021 giữa bà Đỗ Thị Thu Y với ông Phan Thành L1 và bà Trần Thị Hồng C1 chấm dứt hiệu lực.

- Bà Trần Thị Hồng C1 có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị Thu Y số tiền 250.000.000 đồng.

- Chỉ một mình anh Phan Thành H phải có nghĩa vụ trả cho bà Châu Thị Kim C số tiền 250.000.000 đồng trong phạm vi di sản của ông Phan Thành L1 chết để lại đối với kỷ phần của anh H và giá trị tương đương trong phạm vi di sản của ông Phan Thành L1 chết để lại đối với kỷ phần của chị Phan Thị Mỹ L.

1.4. Về án phí dân sự sơ thẩm.

- Trong số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 49.500.000 đồng anh Phan Thành H, chị Phan Thị Mỹ L phải chịu, thì ông Trương Tiến D và bà Đỗ Thị Thu Y thỏa thuận hỗ trợ tiền án phí cho anh H, chị L như sau:

Ông Trương Tiến D hỗ trợ tiền án phí cho anh H, chị L 17.500.000đ ($700.000.000đ \times 5\% : 2$) nên ông Trương Tiến D trả cho anh Phan Thành H, chị Phan Thị Mỹ L 17.500.000đ;

Bà Đỗ Thị Thu Y hỗ trợ 50% tiền án phí cho anh H, chị L 6.250.000đ ($250.000.000đ \times 5\% : 2$) nên bà Đỗ Thị Thu Y trả cho anh Phan Thành H, chị Phan Thị Mỹ L 6.250.000đ.

2. Anh Phan Thành H, bà Trần Thị Hồng C1 đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Ngô Thị Bích T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm về số tiền bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bà T1.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên toà phúc thẩm các đương sự gồm ông Trương Tiến D (người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Ngọc K), bà Châu kim C, bà Đỗ

Thị Thu Y, anh Phan Thành H, bà Trần Thị Hồng C1 đạt được sự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với kháng cáo của bà Ngô Thị Bích T1 là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung phán quyết đối với bà T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục kháng cáo, đương sự kháng cáo thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, có một số đương sự vắng mặt, tuy nhiên họ đã có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Hồng C1 có ý kiến rút toàn bộ kháng cáo; anh Phan Thành H rút kháng cáo đối với yêu cầu không đồng ý trả nợ cho ông Trương Tiến D, bà Châu Thị Kim C, bà Ngô Thị Bích T1. Anh H đồng ý trả nợ cho những người này. Đối với khoản nợ của ngân hàng TMCP Á, anh H xác định anh H đã bỏ tiền ra trả toàn bộ các khoản Công ty Địa Môn nợ ngân hàng TMCP Á nên anh H rút kháng cáo các vấn đề liên quan đến ngân hàng. Xét thấy, việc rút kháng cáo của bà C1 và anh H là tự nguyện, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo đương sự đã rút.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự gồm ông Trương Tiến D (người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Ngọc K), bà Châu kim C, bà Đỗ Thị Thu Y, anh Phan Thành H, bà Trần Thị Hồng C1 đạt được sự thỏa thuận với nhau, xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Xét kháng cáo của bà Ngô Thị Bích T1:

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Phan Thành H thừa nhận ngày 07/4/2020 ông Phan Thành L1 có vay của bà Ngô Thị Bích T1 số tiền là 53.000.000 đồng, ngày 12/3/2021 ông L1 vay bà T1 50.000.000 đồng, tổng cộng 103.000.000 đồng. Bà T1 kháng cáo yêu cầu các đồng thừa kế của ông L1 phải trả cho bà T1 103.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo kết quả sao kê của Ngân hàng V4 – Chi

nhánh V3 thì vào ngày 13/4/2020, ông L1 có chuyển cho bà Ngô Thị Bích T1 số tiền 53.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ ông L1 chỉ còn nợ bà T1 50.000.000đ. Bà T1 cho rằng số tiền ông L1 có chuyển cho bà Ngô Thị Bích T1 số tiền 53.000.000 đồng nêu trên là trả cho khoản nợ khác nhưng bà T4 không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không được chấp nhận.

[2.3] Như vậy, tại phiên tòa phúc thẩm một số đương sự kháng cáo đã thỏa thuận được với nhau nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận này. Đối với kháng cáo của bà T1 như đã phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với nội dung kháng cáo liên quan đến bà T1.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bà Trần Thị Hồng C1 đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí vì bà C1 đã trên 60 tuổi. Xét thấy bà C1 thuộc trường hợp là người cao tuổi nên yêu cầu của bà C1 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.] Án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên đương sự kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308, Điều, 289, Điều 300 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 288, 274, 278, 317, 320, 328, 463, 466, 615, 468, 649, 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo đã rút của Phan Thành H, bà Trần Thị Hồng C1. Phần bản án phúc thẩm bị kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

1. Bác kháng cáo của bà Ngô Thị Bích T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với nội dung liên quan đến bà T1.
2. Sửa một phần bản án sơ thẩm do có đương sự thỏa thuận được với nhau tại phiên tòa phúc thẩm.
3. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự gồm ông Trương Tiến D (người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Ngọc K), bà Châu kim C, bà Đỗ Thị Thu Y, anh Phan Thành H, bà Trần Thị Hồng C1 như sau:

4.1. Ông Trương Tiến D (do người đại diện theo ủy quyền là ông K) và anh Phan Thành H đồng ý chỉ một mình anh Phan Thành H phải có nghĩa vụ trả cho ông Trương Tiến D số tiền 700.000.000 đồng trong phạm vi di sản của ông Phan Thành L1 chết để lại đối với kỷ phần của anh H và giá trị tương đương trong phạm vi di sản của ông Phan Thành L1 chết để lại đối với kỷ phần của chị Phan Thị Mỹ L.

3.2. Bà Châu Thị Kim C và anh Phan Thành H thống nhất:

- Đồng ý cản trừ số tiền lãi bà C đã nhận vượt quá lãi suất quy định $41.250.000đ = [(5\% - 1,7\%) \times 250.000.000 \times 5 \text{ tháng}]$ trong số nợ 250.000.000đ.

- Chỉ một mình anh Phan Thành H phải có nghĩa vụ trả cho bà Châu Thị Kim C số tiền 208.750.000đ trong phạm vi di sản của ông Phan Thành L1 chết để lại đối với kỷ phần của anh H và giá trị tương đương trong phạm vi di sản của ông Phan Thành L1 chết để lại đối với kỷ phần của chị Phan Thị Mỹ L.

4.3. Bà Đỗ Thị Thu Y, anh Phan Thành H và bà Trần Thị Hồng C1 thống nhất:

- Hợp đồng đặt cọc ngày 23/4/2021 giữa bà Đỗ Thị Thu Y với ông Phan Thành L1 và bà Trần Thị Hồng C1 chấm dứt hiệu lực.

- Bà Trần Thị Hồng C1 có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị Thu Y số tiền 250.000.000 đồng.

- Chỉ một mình anh Phan Thành H phải có nghĩa vụ trả cho bà Châu Thị Kim C số tiền 250.000.000 đồng trong phạm vi di sản của ông Phan Thành L1 chết để lại đối với kỷ phần của anh H và giá trị tương đương trong phạm vi di sản của ông Phan Thành L1 chết để lại đối với kỷ phần của chị Phan Thị Mỹ L.

4.4. Về án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc anh Phan Thành H, chị Phan Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 49.500.000 đồng. Ông Trương Tiến D thỏa thuận hỗ trợ tiền án phí cho anh H, chị L 17.500.000đ ($700.000.000đ \times 5\% : 2$) nên ông Trương Tiến D trả

cho anh Phan Thành H, chị Phan Thị Mỹ L 17.500.000đ; Bà Đỗ Thị Thu Y thỏa thuận hỗ trợ 50% tiền án phí cho anh H, chị L 6.250.000đ (250.000.000đ x 5% : 2) nên bà Đỗ Thị Thu Y trả cho anh Phan Thành H, chị Phan Thị Mỹ L 6.250.000đ.

1. Sửa bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Hồng C1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
2. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Ngô Thị Bích T1:

Buộc anh Phan Thành H và chị Phan Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Bích T1 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), trong phạm vi di sản của ông Phan Thành L1 chết để lại đối với kỷ phần của Phan Thành H và chị Phan Thị Mỹ L.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị Bích T1 yêu cầu bà Trần Thị Hồng C1, anh Phan Thành H, chị Phan Thị Mỹ L trả cho bà T1 số tiền 53.000.000 đồng (năm mươi ba triệu đồng).

1. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, có kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo đã có hiệu lực theo quy định của pháp luật gồm:

7.1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của ông Trương Tiến D, bà Châu Thị Kim C, bà Ngô Thị Bích T1 và Ngân hàng thương mại cổ phần Á về việc yêu cầu bà Trần Thị Hồng C1 thực hiện nghĩa vụ trả số nợ của ông Phan Thành L1 và Công ty TNHH MTV Đ3 cho ông Trương Tiến D, Châu Thị Kim C, bà Ngô Thị Bích T1 và Ngân hàng thương mại cổ phần Á.

7.2. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Á:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Á về việc yêu cầu bà Trần Thị Hồng C1 trả số nợ của Công ty TNHH MTV Đ3 cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á.

- Buộc Công ty TNHH MTV Đ3 (người thừa kế là anh Phan Thành H, chị Phan Thị Mỹ L) trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á tổng nợ còn thiếu tính đến ngày 18/9/2024 là 7.005.400.173 đồng, trong đó vốn gốc là 4.500.000.000 đồng, lãi trong hạn 38.835.616 đồng, lãi quá hạn 2.227.222.603 đồng, phạt chậm trả lãi 239.341.954 đồng, trong phạm vi tài sản của ông Phan Thành L1 để lại và của bà Trần Thị Hồng C1 đã thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số VIL.BĐDN.174.260121 ngày 27/01/2021. Công ty TNHH MTV Đ3 tiếp tục chịu lãi suất của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng số

VIL.DN.1462.260121 ngày 27/01/2021, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc trong phạm vi tài sản của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ3 đã thế chấp.

- Xử lý tài sản bảo đảm: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH Đ3 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng TMCP Á thì Ngân hàng TMCP Á có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành phát mãi tài sản đã thế chấp thửa đất số 291, tờ bản đồ số 14, diện tích 3.009,5m² (đất ở 300m², đất trồng cây lâu năm 2709,5m²), tọa lạc khóm D, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 18/5/2018 và thửa đất số 293, tờ bản đồ số 14, diện tích 1628,4m², đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, tọa lạc khóm D, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 23/10/2018. Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 28/6/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V.

7.3. Buộc bà Trần Thị Phụng E trả cho bà Trần Thị Hồng C1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 024162, sổ vào sổ cấp GCN: CH 02748 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp cho ông Phan Thành L1 và bà Trần Thị Hồng C1 ngày 13/4/2015, thửa đất số 24, tờ bản đồ số 10, diện tích 50,1m², loại đất ở đô thị, tọa lạc số A, đường Đ, khóm H, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

7.4. Anh Phan Thành H và chị Phan Thị Mỹ L phải có trách nhiệm thực hiện thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản của ông Phan Thành L1 chết để lại là thửa đất số 291, tờ bản đồ số 14, diện tích 3.009,5m² (đất ở 300m², đất trồng cây lâu năm 2709,5m²), tọa lạc ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 18/5/2018; thửa đất số 293, tờ bản đồ số 14, diện tích 1628,4m², đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, tọa lạc ấp Ba, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 23/10/2018. Đến ngày 31/7/2020 hai thửa đất này thay đổi địa chỉ thành khóm D, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; thửa đất số 24, tờ bản đồ số 10, diện tích 50,1m², đất ở tại đô thị; nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 49,8m², diện tích sàn 78,5m², tọa lạc số 18, Đoàn Thị Đ2, khóm H, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, được Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 13/4/2015 và các di sản khác của ông Phan Thành L1 chết để lại (nếu có).

Các thửa đất nêu trên là tài sản chung của ông Phan Thành L1 và bà Trần Thị Hồng C1 (kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất).

7.5. Ông Lê Trung S1 được quyền khởi vụ kiện khác đối với hợp đồng thuê nhà với bà Trần Thị Hồng C1. Bà Trần Thị Phụng E có quyền khởi kiện vụ kiện khác đối với hợp đồng vay cho bà Trần Thị Hồng C1 vay.

8. Chi phí tố tụng khác:

8.1. Bà Trần Thị Hồng C1, anh Phan Thành H và chị Phan Thị Mỹ L phải có trách nhiệm liên đới trả tiền chi phí đo đạc, định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ cho bà Châu Thị Kim C, bà Đỗ Thị Thu Y, Ngân hàng TMCP Á mỗi người là 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm ngàn đồng).

8.2. Bà Trần Thị Hồng C1, anh Phan Thành H và chị Phan Thị Mỹ L phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Bích T1 số tiền giám định là 2.182.500 đồng (hai triệu một trăm tám mươi hai ngàn năm trăm đồng).

8.3. Bà Trần Thị Hồng C1, anh Phan Thành H và chị Phan Thị Mỹ L phải có trách nhiệm liên đới trả tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài cho bà Đỗ Thị Thu Y là 95 đô la Mỹ (USD); trả cho bà Ngô Thị Bích T1 là 95 đô la Mỹ (USD); trả cho bà Châu Thị Kim C là 95 đô la Mỹ (USD); trả cho ông Trương Tiến D là 95 đô la Mỹ (USD); Trả cho Ngân hàng TMCP Á đô la Mỹ (USD).

9. Về lệ phí:

9.1. Bà Trần Thị Hồng C1, anh Phan Thành H và chị Phan Thị Mỹ L phải có trách nhiệm liên đới chịu tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng).

9.2. Trả cho ông Trương Tiến D 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp, theo biên lai thu tiền số N0 0000369 ngày 20/02/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; Trả cho bà Đỗ Thị Thu Y 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp, theo biên lai thu tiền số N0 0000367 ngày 17/02/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; Trả cho bà Ngô Thị Bích T1 đã nộp 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp, theo biên lai thu tiền số N0 0000374 ngày 24/3/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; Trả cho Ngân hàng TMCP Á đã nộp 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp, theo biên lai thu tiền số N0 0000372 ngày 22/02/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

10. Án phí dân sự sơ thẩm:

10.1. Buộc Công ty TNHH MTV Đ3 (người thừa kế là anh Phan Thành H và chị Phan Thị Mỹ L) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 115.005.000 đồng trong phạm vi kỷ phần di sản của ông Phan Thành L1 mà anh Phan Thành H và chị Phan Thị Mỹ L được hưởng.

10.2. Bà Ngô Thị Bích T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.650.000 đồng. Bà Ngô Thị Bích T1 đã nộp 2.575.000 đồng, tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số N0 0001102 ngày 21/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự

thành phố Vĩnh Long nên được trừ qua, bà T1 còn phải nộp tiếp số tiền là 75.000 đồng (bảy mươi lăm ngàn đồng).

10.3. Trả cho ông Trương Tiến D 16.167.000 đồng (mười sáu triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số N0 0006940 ngày 01/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít;

10.4. Trả cho bà Châu Thị Kim C 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số N0 0006869 ngày 17/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít;

10.5. Trả cho Ngân hàng TMCP Á 129.655.500 đồng (một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi năm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số N0 0000338 ngày 28/12/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

11. Án phí dân sự phúc thẩm:

11.1. Anh Phan Thành H phải chịu 300.000đ, nhưng được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015095 ngày 02/10/2024 do Cục Thi hành án tỉnh Vĩnh Long ban hành.

11.2. Bà Trần Thị Hồng C1 không phải chịu. Trả lại cho bà C1 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015139 ngày 23/10/2024 do Cục Thi hành án tỉnh Vĩnh Long ban hành.

11.3. Bà Ngô Bích T1 phải chịu 300.000đ, nhưng được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015102 ngày 04/10/2024 do Cục Thi hành án tỉnh Vĩnh Long ban hành.

12. Kể từ ngày người phải thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi đối với khoản tiền chưa thi hành án theo quy định của pháp luật.

13. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

14. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VCT và KSXXPT tại Tp. HCM;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu. 30 (ĐHV)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Huỳnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thành viên

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hội đồng xét xử

• •